

I. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA

Kiểm tra các đơn vị kiến thức đã học trong nửa đầu học kỳ 2 gồm các bài và chủ đề sau

1. 2Bài 6: Cách mạng công nghiệp thời cận đại

- Trình bày được những thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, thứ hai đạt được.

- Phân tích được tác động của hai cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và thứ hai đối với nền kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Vận dụng và liên hệ thực tiễn cuộc sống bản thân.

2. Bài 7: Cách mạng công nghiệp thời hiện đại

- Trình bày được những thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba, thứ tư đạt được.

- Phân tích được tác động của hai cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và thứ tư đối với nền kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Phân tích được thời cơ và thách thức của thành tựu mà cách mạng công nghiệp thời hiện đại đối với Việt Nam. Trách nhiệm của thế hệ trẻ cần làm gì để hạn chế tiêu cực và phát huy thành tựu mà cách mạng công nghiệp hiện đại mang lại.

3. Bài 8: Hành trình phát triển và thành tựu văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại

- Trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á trên đường thời gian.

- Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á: tôn giáo và tín ngưỡng, chữ viết và văn học, kiến trúc và điêu khắc,...

- Đề xuất được một số biện pháp và trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của các thành tựu văn minh Đông Nam Á.

4. Bài 9: Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam(Văn minh Văn Lang- Âu Lạc)

- Trình bày và phân tích được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang, Âu Lạc: điều kiện tự nhiên, cơ sở xã hội,...

- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang, Âu Lạc: đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước,...

- Những giá trị truyền thống về phong tục tập quán nào vẫn còn được giữ gìn và phát huy hiện nay. Là học sinh cần làm gì để bảo vệ giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Kiểm tra tập trung tại lớp

- Kiểm tra theo hình thức Kết hợp trắc nghiệm 50% (gồm 20 câu), dạng thức đúng sai 2 câu 20% và tự luận 30% (gồm 2 câu)

- Kiểm tra theo ma trận và đặc tả

III. HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ II

PHẦN 1 : TỰ LUẬN :

Câu 1 : Các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế? Những thành tựu đạt được của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang làm thay đổi sâu sắc đời sống kinh tế – xã hội toàn cầu, Việt Nam đã và đang làm gì để thích nghi với sự phát triển của các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại?

Câu 2 : Các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại có ý nghĩa như thế nào đối với xã hội và văn hoá? Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ngoài những thành tựu còn có những hạn chế. Là thế hệ trẻ, em cần phải làm gì để khắc phục hạn chế và phát huy hiệu quả mà cách mạng 4.0 mang lại?

Câu 3 : Cư dân Đông Nam Á thời kì cổ -trung đại đã tiếp thu có chọn lọc và chịu ảnh hưởng sâu sắc văn minh Ấn Độ trên những lĩnh vực nào? Là thế hệ trẻ, em cần phải làm gì để giữ gìn và phát huy các thành tựu văn hoá của cư dân Đông Nam Á?

Câu 4 : Cư dân Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại đã tiếp thu có chọn lọc và chịu ảnh hưởng sâu sắc văn minh Trung Hoa trên những lĩnh vực nào? Là học sinh, em cần phải làm gì để giữ gìn và phát huy các thành tựu văn hoá của cư dân Đông Nam Á ?

PHẦN 2: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

BÀI 6: CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI CẬN ĐẠI

Câu 1. Quốc gia khởi đầu trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra vào giữa thế kỉ XVIII là

- A. Anh. B. Mỹ. C. Đức. D. Pháp.

Câu 2. Ở thế kỉ XVIII, những tiến bộ về kĩ thuật ở Anh chủ yếu diễn ra trong các ngành nào?

- A. Dệt, luyện kim và phát minh máy móc. B. Ngành luyện kim, khai thác mỏ và dệt.
C. Dệt, luyện kim và giao thông vận tải. D. Khai thác mỏ, dệt và giao thông vận tải.

Câu 3. Ở thế kỉ XVIII, những tiến bộ về kĩ thuật và máy móc ở Anh diễn ra đầu tiên trong ngành nào?

- A. Dệt. B. Ngành luyện kim. C. Giao thông vận tải. D. Khai thác mỏ.

Câu 4. Thế kỉ XVIII, cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra đầu tiên ở Anh, sau đó lan ra Châu Âu và khu vực nào sau đây?

- A. Đông Nam Á. B. Đông Bắc Á. C. Nam Mỹ. D. Bắc Mỹ.

Câu 5. Năm 1807, Rô-bốt Phơ-nơ đã chế tạo thành công

- A. đầu máy xe lửa chạy trên đường ray đầu tiên. B. tàu thủy chạy chở khách chạy bằng hơi nước.
C. máy kéo sợi chạy bằng sức nước. D. máy bay chạy bằng động cơ xăng.

Câu 6. Phát minh nào trong cuộc cách mạng công nghiệp đã tạo tiền đề cho sự ra đời và phát triển của ô tô, máy bay và thúc đẩy ngành khai thác dầu mỏ?

- A. Phương pháp nấu than cốc. B. Chế tạo ra hệ thống máy tự động.
C. Phát minh Động cơ đốt trong. D. Phương pháp luyện kim “put-đinh”.

Câu 7. Những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất ở thế kỉ XVIII - XIX là máy kéo sợi, máy dệt, máy hơi nước và

- A. đầu máy xe lửa. B. máy bay, ô tô. C. điện thoại. D. tàu thủy, máy bay.

Câu 8. Giêm Ôát là người đã phát minh ra

- A. con thoi bay. B. máy dệt. C. máy hơi nước. D. đầu máy xe lửa.

Câu 9. Thành tựu khoa học và kĩ thuật quan trọng nhất của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX là?

- A. máy hơi nước và điện. B. động cơ đốt trong và ô tô.
C. máy hơi nước và điện thoại. D. điện và động cơ đốt trong.

Câu 10. Giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX là khoảng thời gian diễn ra cuộc cách mạng nào sau đây?

- A. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất. B. Cách mạng công nghiệp lần thứ hai.
C. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba. D. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Câu 11. Trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất ở thế kỉ XVIII - XIX, phát minh kĩ thuật nào đã tạo ra bước chuyển căn bản trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa?

- A. Động cơ đốt trong. B. Máy kéo sợi Gien-ni.
C. Máy tính điện tử. D. Máy hơi nước.

Câu 12. Trong các thế kỉ XVIII - XIX, những thành tựu đạt được trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất đã đưa con người bước sang thời đại

- A. “văn minh công nghiệp”. B. “văn minh nông nghiệp”.
C. “văn minh thông tin”. D. “văn minh trí tuệ”.

Câu 13. Nội dung nào dưới đây phản ánh **không** đúng ý nghĩa của việc phát minh ra máy hơi nước ở Anh (1784)?

- A. Lao động bằng tay được thay thế dần bằng máy móc.
B. Tốc độ sản xuất và năng suất lao động tăng vượt bậc.
C. Tạo ra động lực mới, khởi đầu quá trình công nghiệp hóa.
D. Biển nước Anh trở thành “công xưởng của thế giới”.

Câu 14. Tác dụng của việc phát minh ra phương pháp sử dụng lò cao trong luyện kim trong cuộc cách mạng công nghiệp ở thế kỉ XVIII – XIX là

- A. thúc đẩy việc ứng dụng điện vào cuộc sống.
B. dẫn đến sự ra đời của các nguyên liệu mới.
C. dẫn đến sự ra đời và phát triển của động cơ học.
D. đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa đất nước.

Câu 15. Cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại **không** có những tác động nào sau đây?

- A. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động.
B. Hình thành và phát triển các trung tâm công nghiệp, thành thị.
C. Gây ô nhiễm môi trường, bóc lột lao động và xâm chiếm thuộc địa.
D. Thúc đẩy toàn cầu hóa, tự động hóa, thương mại điện tử, tự do thông tin.

Câu 16. Đặc trưng cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX là

- A. sử dụng năng lượng nước, hơi nước và cơ giới hóa sản xuất.
B. ứng dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất.
C. sử dụng năng lượng điện với sự ra đời của các dây chuyền sản xuất hàng loạt.
D. quy trình, phương thức sản xuất được tối ưu hóa dựa trên nền tảng công nghệ số.

Câu 17. Một trong những hệ quả tiêu cực của các cách mạng công nghiệp thời kì cận đại là

- A. sản xuất nông nghiệp chuyển sang phương thức chuyên canh hoặc thâm canh.
B. hình thành hai giai cấp cơ bản trong xã hội tư bản là giai cấp tư sản và vô sản.
C. cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản không ngừng tăng lên.
D. sự ra đời của nhiều trung tâm công nghiệp mới và thành thị đông dân xuất hiện.

Câu 18. Cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra vào nửa sau thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX ở châu Âu là quá trình

- A. công nghiệp hóa, hiện đại hóa các nước tư bản châu Âu.
B. hình thành hai giai cấp cơ bản là tư sản và công nhân.
C. cơ khí hóa nền sản xuất thay thế cho lao động thủ công.
D. hình thành nền tảng kinh tế của chủ nghĩa tư bản.

Câu 19. Ở thế kỉ XVIII, nhà phát minh vĩ đại nào được tôn vinh là “người nhân lên gấp bội sức mạnh của con người”?

- A. Giêm Oát. B. Giêm Ha-gri-vơ. C. Ác-crai-tơ. D. Ét-mơn Các-rai.

Câu 20. Ở thế kỉ XVIII, nhà phát minh nào là tác giả của câu nói nổi tiếng: “Thiên tài một phần trăm là cảm hứng và chín mươi chín phần trăm là mồ hôi”?

- A. Louis Pasteur. B. Thomas Edison. C. Albert Elnsetein. D. James Watt.

BÀI 7: CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI HIỆN ĐẠI

Câu 1. Thời hiện đại, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba còn được gọi là

- A. cách mạng 4.0. B. cách mạng kĩ thuật số.

C. cách mạng kĩ thuật. D. cách mạng công nghệ.

Câu 2. Thành tựu quan trọng đầu tiên của các mạng công nghiệp lần thứ ba là

A. Ro bot. B. vệ tinh. C. tàu chiến. D. máy tính.

Câu 3. Trong cách mạng công nghiệp lần thứ ba, bước tiến quan trọng của ngành công nghệ thông tin là

A. mạng kết nối Internet không dây. B. mạng kết nối Internet có dây.
C. máy tính điện tử. D. vệ tinh nhân tạo.

Câu 4. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn được gọi là

A. cách mạng kĩ thuật số. B. cách mạng công nghiệp nhẹ.
C. cách mạng kĩ thuật. D. cách mạng 4.0.

Câu 5: Cách mạng 4.0 hoàn toàn tập trung vào công nghệ kĩ thuật số và

A. kết nối vạn vật thông qua Internet. B. công cuộc chinh phục vũ trụ.
C. máy móc tự động hóa. D. công nghệ Robot.

Câu 6. Kho dữ liệu khổng lồ rất quan trọng trong sự phát triển của công nghệ trong thời đại 4.0 đó là

A. Cloud. B. AI. C. In 3D. D. Big Data.

Câu 7. Thành tựu trong công cuộc chinh phục vũ trụ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba gắn liền với hai cường quốc Mỹ và

A. Anh. B. Trung Quốc. C. Liên Xô. D. Ấn Độ.

Câu 8. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba là quan trọng nhất trong các cuộc cách mạng công nghiệp là vì cuộc cách mạng này đã

A. thúc đẩy quá trình khu vực hóa, toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.
B. dẫn đến sự ra đời của các nguyên liệu mới, mở rộng thị trường toàn cầu.
C. thúc đẩy sự phát triển của mạng lưới điện xoay chiều và phổ biến máy tính kĩ thuật số.
D. mở ra kỷ nguyên công nghệ thông tin sử dụng máy tính kĩ thuật số và lưu hồ sơ kĩ thuật số.

Câu 9. Thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư **không** bao gồm

A. internet. B. máy hơi nước. C. công nghệ thông tin. D. máy tính.

Câu 10. Những thành tựu đạt được trong các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đã đưa loài người bước sang thời đại

A. “văn minh công nghiệp”. B. “văn minh nông nghiệp”.
C. “văn minh thông tin”. D. “văn minh siêu trí tuệ”.

Câu 11. Ý nào sau đây **không** phải là thành tựu cơ bản của cách mạng công nghiệp lần thứ ba?

A. Trí tuệ nhân tạo (AI). B. Mạng Internet không dây. C. Máy tính. D. Chinh phục vũ trụ.

Câu 12. Trong cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thành tựu nào đã giúp giải phóng sức lao động con người, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm công nghiệp?

A. Tự động hóa B. Công nghệ Robot
C. Tự động hóa và Công nghệ Robot D. Công nghệ in 3D

Câu 13. Sự phát triển của Internet hiện nay làm cho việc tìm kiếm và chia sẻ thông tin vô cùng nhanh chóng và thuận tiện, tuy nhiên nó cũng có hạn chế về

A. thay đổi thế giới quan của con người. B. dễ bị thâm nhập, đánh mất dữ liệu cá nhân.

C. con người bị lệ thuộc vào thiết bị thông minh. D. tính chính xác của thông tin được chia sẻ.

Câu 14. Nội dung nào dưới đây là **không** phản ánh đúng về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư?

A. Các thành tựu khoa học - công nghệ làm cho tài nguyên thiên nhiên, lao động phổ thông ngày càng mất lợi thế.

B. Tạo ra sự chênh lệch về trình độ phát triển, khoảng cách giàu nghèo giữa các quốc gia có xu hướng mở rộng thêm.

C. Chỉ tác động đến lĩnh vực khoa học và công nghệ, không ảnh hưởng đến giáo dục đào tạo và lĩnh vực quản lý nhà nước.

D. Làm xuất hiện nhiều hình thức tội phạm mới, sử dụng công nghệ cao để trốn thuế, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của người khác.

Câu 15. Năm 1957, Liên Xô phóng lên quỹ đạo vệ tinh nhân tạo Xpút-nich 1 đã có ý nghĩa như thế nào đối với nhân loại?

A. Thúc đẩy sản xuất phát triển vượt bậc, khởi đầu quá trình công nghiệp hóa.

B. Là cơ sở cho sự ra đời và phát triển của động cơ điện.

C. Là sự kiện mở đầu kỷ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.

D. Thúc đẩy sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhiều ngành kinh tế khác

Câu 16. Cách mạng công nghiệp 4.0 có những tác động tích cực đối với nhân loại, tuy nhiên nó cũng có điểm hạn chế về vấn đề

A. ô nhiễm môi trường. B. an ninh mạng.

C. quyền riêng tư.

D. an ninh mạng và quyền riêng tư.

Câu 17. Một trong những khó khăn cơ bản của giai cấp công nhân Việt Nam trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là

A. chưa đáp ứng được yêu cầu về trình độ, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

B. lao động giản đơn trong các dây chuyền sản xuất có nguy cơ bị thay thế.

C. số lượng công nhân trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

D. số lượng, chất lượng công nhân trong doanh nghiệp nhà nước giảm nhanh.

BÀI 8: HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TỰU CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

Câu 1: Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về điều kiện tự nhiên của khu vực Đông Nam Á?

A. Chịu ảnh hưởng khí hậu nhiệt đới gió mùa.

B. Tất cả các quốc gia đều giáp biển, giàu tài nguyên.

C. Hệ thống sông ngòi dày đặc với nhiều con sông lớn.

D. Đồng bằng ven sông với đất đai màu mỡ, phì nhiêu.

Câu 2: Hoạt động kinh tế chính của cư dân Đông Nam Á thời cổ - trung đại là

A. nông nghiệp trồng lúa nước.

B. buôn bán bằng đường biển.

C. khai thác lâm thổ sản.

D. sản xuất thủ công nghiệp.

Câu 3: Thế kỉ XI-XII, trên cơ sở tiếp thu một phần chữ Hán của Trung Quốc, người Việt đã sáng tạo ra chữ viết riêng là

A. chữ Chăm cổ.

B. chữ Nôm.

C. Chữ Khơ-me cổ.

D. chữ Mã Lai cổ.

Câu 4: Trên cơ sở nền văn minh bản địa, cư dân Đông Nam Á cổ đại đã sớm tiếp thu ảnh hưởng các nền văn minh nào sau đây?

A. Ấn Độ, Trung Hoa.

B. Ấn Độ, phương Tây.

C. Trung Hoa, phương Tây.

D. Ấn Độ, Trung Hoa, phương Tây.

Câu 5: Văn hóa Ấn Độ đã được truyền bá đến khu vực Đông Nam Á chủ yếu bằng con đường

A. giao thương buôn bán.

B. truyền bá áp đặt.

C. xâm lược, thống trị.

C. giao lưu hữu nghị.

Câu 6: Từ những thế kỉ đầu Công nguyên, ở Đông Nam Á đã có sự du nhập Phật giáo, Hin-đu giáo là các tôn giáo lớn có nguồn gốc từ

A. phương Tây.

B. Trung Quốc.

C. Nhật Bản.

D. Ấn Độ.

Câu 7: Quốc gia Đông Nam Á nào chịu ảnh hưởng văn minh Trung Hoa nhiều hơn các nước trong khu vực?

A. Việt Nam. B. Lào.

C. Thái Lan.

D. Cam-pu-chia.

Câu 8: Sự tiếp xúc, giao thoa văn hóa giữa Đông Nam Á với văn minh Trung Hoa thông qua con đường

- A. buôn bán và bành trướng xâm lược của Trung Quốc.
- B. buôn bán và truyền đạo của các tu sĩ người Trung Quốc.
- C. chỉ ảnh hưởng qua con đường giao thương, buôn bán.
- D. xâm lược, thống trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc.

Câu 9: Hệ tư tưởng Nho giáo du nhập vào khu vực Đông Nam Á từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên là có nguồn gốc từ

- A. Ấn Độ.
- B. Trung Quốc.
- C. phương Tây.
- D. Nhật Bản.

Câu 10: Giải thích nào sau đây là **không** đúng khi nhắc đến vị trí “ngã tư đường” của khu vực Đông Nam Á?

- A. Là cầu nối giữa Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương.
- B. Nơi giao thoa giữa các nền văn hóa lớn trên thế giới.
- C. Nối liền lục địa châu Á – châu Âu với châu Úc.
- D. Tiếp giáp với bốn châu lục: Á, Phi, Âu, Mỹ.

Câu 11: Nền văn minh bản địa hình thành ở khu vực Đông Nam Á trước khi tiếp xúc với văn minh Ấn Độ, Trung Hoa đó là

- A. văn minh thung lũng sông Hằng.
- B. văn minh nông nghiệp lúa nước.
- C. văn minh sông Mê Công.
- D. chưa có nền văn minh nào.

Câu 12: Đầu Công nguyên, tôn giáo nào sau khi du nhập đã ảnh hưởng lớn nhất tới đời sống văn hóa, tinh thần của các dân tộc Đông Nam Á?

- A. Phật giáo.
- B. Hindu giáo.
- C. Nho giáo.
- D. Công giáo.

Câu 13: Nội dung **không** phải lí do để văn minh Trung Hoa ảnh hưởng đến Đông Nam Á là

- A. vị trí địa lí liền kề với Đông Nam Á.
- B. sự xâm lược, thống trị của Trung Quốc.
- C. quá trình di dân của người Trung Quốc.
- D. hoạt động truyền giáo của tu sĩ Công giáo.

Câu 14: Công trình kiến trúc nào **không** thuộc Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại?

- A. Đền tháp Bô-rô-bu-đua (In-đô-nê-xi-a).
- B. Kinh thành Huế (Việt Nam).
- C. Đền Ăng-co-vát (Cam-pu-chia).
- D. Chùa Vàng (Mi-an-ma).

Câu 15: Từ thế kỉ VII đến cuối thế kỉ XV là giai đoạn văn minh Đông Nam Á

- A. bước đầu hình thành.
- B. bước đầu phát triển.
- C. phát triển rực rỡ.
- D. tiếp tục phát triển.

Câu 16: Ba nhóm chính trong tín ngưỡng bản địa của Đông Nam Á **không** bao gồm

- A. tín ngưỡng sùng bái tự nhiên.
- B. tín ngưỡng phồn thực.
- C. tín ngưỡng thờ cúng người đã mất.
- D. Phật giáo, Nho giáo.

Câu 17: Thế kỉ XVI, tôn giáo mới du nhập từ phương Tây đến cho Đông Nam Á là

- A. Phật giáo.
- B. Hin-đu giáo.
- C. Hồi giáo.
- D. Công giáo.

Câu 18: Trước khi sáng tạo ra chữ viết riêng, một số cư dân Đông Nam Á sử dụng

- A. chữ viết cổ của Ấn Độ.
- B. chữ Chăm cổ.
- C. chữ Khơ-me cổ.
- D. chữ Nôm.

Câu 19: Sau khi chữ viết ra đời cư dân Đông Nam Á cổ trung đại đã tạo dựng nền văn học

- A. dân gian.
- B. viết.
- C. chữ Hán.
- D. chữ Phạn.

Câu 20: Quần thể chùa tháp Pa-gan là một trung tâm kiến trúc kì vĩ nằm ở quốc gia Đông Nam Á nào?

- A. Cam-pu-chia.
- B. Mi-an-ma.
- C. Ma-lai-xi-a.
- D. Thái Lan.

Câu 21: Những tác phẩm điêu khắc nào sau đây **không** mang tính chất tôn giáo?

- A. tượng thần.
- B. tượng Phật.
- C. phù điêu.
- D. chạm nổi hình rồng.

Câu 22: Thời cổ đại, các nước Đông Nam Á sáng tạo thành chữ viết của mình trên cơ sở tiếp nhận nhiều chữ viết từ bên ngoài, **ngoại trừ**

- A. chữ La-tinh. B. chữ Phạn. C. chữ Hán. D. chữ A-rập.

Câu 23:

“Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ tổ mừng mười tháng ba”

Ngày giỗ tổ Hùng Vương của Việt Nam hàng năm là một biểu hiện của hình thức thức tín ngưỡng, tôn giáo nào?

- A. Phật giáo. B. Tín ngưỡng thờ thần. C. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. D. Hin-đu giáo.

Câu 24: Văn minh phương Tây bắt đầu ảnh hưởng đến Đông Nam Á trong giai đoạn

- A. đầu Công nguyên đến thế kỉ VII. B. thế kỉ VII đến thế kỉ XV.
C. thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX. D. thế kỉ XIX đến nay.

Câu 25: Trong khoảng thời gian từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII, thành tựu nổi bật nhất của văn minh Đông Nam Á là

- A. sự ra đời và bước đầu phát triển của các nhà nước.
B. hình thành các quốc gia thống nhất và lớn mạnh.
C. các quốc gia phát triển đến thời kì cực thịnh.
D. các quốc gia có nhiều chuyển biến mới về văn hoá.

BÀI 9: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH CỔ TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

Câu 1: Nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc còn được gọi là văn minh

- A. Sông Hồng. B. Phù Nam. C. Sa Huỳnh. D. Trống đồng.

Câu 2: Địa bàn cư trú chủ yếu của cư dân Việt cổ thuộc khu vực nào trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay?

- A. Khu vực Bắc bộ và Bắc Trung bộ. B. Khu vực Trung bộ ngày nay.
C. Khu vực Nam bộ ngày nay. D. Cư trú rải rác trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Câu 3: Kinh tế chính của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là

- A. săn bắn, hái lượm. B. nông nghiệp lúa nước.
C. thương nghiệp. D. thủ công nghiệp.

Câu 4: Bộ máy nhà nước Văn Lang - Âu Lạc được tổ chức theo 3 cấp từ trên xuống đứng đầu lần lượt là

- A. Vua – Quan văn, quan võ – Lạc dân. B. Vua – Lạc hầu, Lạc tướng – Tù trưởng.
C. Vua – Quý tộc, vương hầu – Bò chính. D. Vua – Lạc hầu, Lạc tướng – Bò chính.

Câu 5: Hiện vật nào sau đây tiêu biểu cho trình độ chế tác của cư dân Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Trống đồng Đông Sơn. B. Tiền đồng Ốc Eo.
C. Phù điêu Khương Mỹ. D. Tượng Phật Đồng Dương.

Câu 6: Đặc điểm chung của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam là

- A. hình thành bên lưu vực của các con sông lớn.
B. có sự giao thoa giữa văn hóa bản địa và bên ngoài.
C. chịu ảnh hưởng từ nền văn hóa Trung Hoa.
D. lấy phát triển thương nghiệp làm kinh tế chính.

Câu 7: Nội dung nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành của nhà nước Văn Lang-Âu Lạc?

- A. Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế nông nghiệp.
B. Chịu ảnh hưởng từ các nền văn minh bên ngoài: Ấn Độ, Trung Hoa.
C. Sự tan rã của công xã nguyên thủy dẫn đến sự phân hóa xã hội.
D. Xuất phát từ nhu cầu đoàn kết phát triển kinh tế, chống ngoại xâm.

Câu 8: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng đời sống tinh thần của người Việt cổ trong xã hội Văn Lang - Âu Lạc?

- A. Hoạt động kinh tế chính là nông nghiệp lúa nước.
- B. Tín ngưỡng phồn thực, thờ cúng ông bà tổ tiên.
- C. Tục xăm mình, ăn trầu, nhuộm răng đen.
- D. Âm nhạc phát triển cả về nhạc cụ lẫn loại hình biểu diễn.

Câu 9: Nhận xét nào sau đây thể hiện **đúng** đặc điểm của bộ máy nhà nước Văn Lang-Âu Lạc?

- A. Xây dựng bộ máy chuyên chế ở trình độ cao.
- B. Bộ máy nhà nước đảm bảo tính dân chủ.
- C. Bộ máy nhà nước sơ khai chưa thể hiện chủ quyền.
- D. Tổ chức đơn giản, sơ khai nhưng thể hiện được chủ quyền.

Câu 10: Điểm chung trong hoạt động kinh tế của cư dân các quốc gia cổ đại đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam là

- A. lấy thương nghiệp làm hoạt động kinh tế chính.
- B. kinh tế đa dạng dựa trên cơ sở phát triển nông nghiệp.
- C. có nền kinh tế phát triển nhất khu vực Đông Nam Á.
- D. chỉ có hoạt động kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước.

Câu 11: Nhận xét nào dưới đây là **đúng** về vai trò của các nền văn minh cổ trên lãnh thổ Việt Nam?

- A. Tạo nên sự tách biệt, đối lập trong truyền thống văn hóa Việt.
- B. Tạo cơ sở cho sự ra đời của một nền văn hóa mới.
- C. Tạo nên sự đa dạng, đặc trưng của truyền thống văn hóa Việt.
- D. Tạo điều kiện để giao lưu hòa tan với các nền văn hóa khu vực.

Câu 12: Nhận xét nào dưới đây là **không** đúng về vai trò của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc đối với tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam?

- A. Là nền văn minh đầu tiên của dân tộc Việt Nam.
- B. Phác họa và định hình bản sắc dân tộc, tránh nguy cơ bị đồng hóa.
- C. Đưa Việt Nam trở thành quốc gia giàu mạnh nhất khu vực.
- D. Đặt nền tảng cho sự phát triển của các nền văn minh sau này.

Câu 13: Nhà nước nào sau đây là sự kế thừa và phát triển của nhà nước Văn Lang?

- A. Âu Lạc B. Lâm Ấp C. Chămpa D. Phù Nam

Câu 14: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của bộ máy nhà nước Văn Lang - Âu Lạc?

- A. Hoàn chỉnh, chặt chẽ B. Đơn giản, sơ khai
- C. Quan liêu, tập quyền D. Phân quyền, pháp trị.

Câu 15: Một trong những công trình kiến trúc tiêu biểu được xây dựng dưới thời kì nhà nước Âu Lạc là

- A. chùa Một Cột B. tháp Phổ Minh C. thành Cổ Loa D. kinh thành Huế

Câu 16: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang - Âu Lạc?

- A. Tiếp thu đạo Phật và đạo Hindu từ Ấn Độ B. Âm nhạc, ca múa đóng vai trò quan trọng.
- C. Thờ cúng người có công với cộng đồng D. Nghệ thuật điêu khắc đạt trình độ thẩm mỹ cao

Câu 17: Tục thờ thần Mặt Trời là biểu hiện của tín ngưỡng nào sau đây của cư dân Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Thờ cúng tổ tiên B. Tín ngưỡng phồn thực C. Sùng bái tự nhiên D. Thờ thần động vật

Câu 18: Nhà nước đầu tiên được hình thành trên lãnh thổ Việt Nam có tên gọi là

- A. Văn Lang B. Lâm Ấp C. Chăm pa D. Phù Nam

Câu 19: Nhà nước nào sau đây ở Việt Nam ra đời vào khoảng thế kỉ VII TCN?

- A. Văn Lang B. Âu Lạc C. Phù Nam D. Đại Việt

Câu 20: Kinh đô của nhà nước Văn Lang đặt tại

- A. Cổ Loa (Hà Nội) B. Phong Châu (Phú Thọ) C. Phú Xuân (Huế) D. Quy Nhơn (Bình Định)

Câu 21: Năm 208 TCN, nước Âu Lạc ra đời, đặt kinh đô tại

- A. Đông Anh (Hà Nội). B. Phong Châu (Phú Thọ).
C. Trà Kiệu (Quảng Nam). D. Thoại Sơn (An Giang).

Câu 22: Đứng đầu nhà nước Văn Lang là Vua Hùng, giúp việc cho vua là

- A. tể tướng B. Lục bộ C. Lạc hầu D. đại hành khiển

Câu 23: Ngành kinh tế nào sau đây phát triển mạnh dưới thời kì Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Chế tạo máy B. Đóng tàu biển C. Trồng lúa nước D. Làm giấy

PHẦN 3 : CÂU HỎI DẠNG THỨC TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI : Trong mỗi ý a,b,c,d các em chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đã làm thay đổi diện mạo các nước tư bản. Máy hơi nước đã tạo ra nguồn động lực mới, dùng máy móc thay thế sức lao động của con người, khởi đầu quá trình công nghiệp hóa. Những tiến bộ về kĩ thuật cũng đã mở ra khả năng lớn trong việc thúc đẩy sản xuất, sản lượng công nghiệp tăng lên nhanh chóng. Với thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, máy móc đã thay thế cho lao động tay chân của con người và chuyển nền sản xuất từ thủ công sang cơ khí hóa.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai đã chuyển nền sản xuất từ cơ khí hóa sang điện khí hóa, làm thay đổi căn bản nền sản xuất và cơ cấu kinh tế tư bản chủ nghĩa”.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều , tr.35)

- a. Đoạn trích phản ánh tác động toàn diện của các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại đối với đời sống con người.
b. Với sự ra đời của máy hơi nước, lần đầu tiên lao động máy móc đã thay thế cho lao động tay chân của con người.
c. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất mở ra thời kì cơ khí hóa sản xuất, còn cách mạng công nghiệp lần thứ hai mở ra thời kì điện khí hóa và tự động hóa nền sản xuất.
d. Cả hai cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đều làm thay đổi cách thức sản xuất để tạo ra của cải vật chất của con người.

Đáp án: a. S b. S c. S d. Đ

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại cũng gây ra những tác động tiêu cực đối với cuộc sống con người như: khiến nhiều người lao động đối diện với nguy cơ mất việc làm, nới rộng khoảng cách giàu – nghèo; phát sinh các vấn đề liên quan đến bảo mật thông tin cá nhân, tính chính xác của

thông tin được chia sẻ; làm gia tăng sự xung đột giữa giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại, xuất hiện nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc”.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ kết nối tri thức với cuộc sống, tr.49)

- a. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại chỉ gây ra những tác động tiêu cực đối với đời sống con người.
- b. “...làm gia tăng sự xung đột giữa giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại” là tác động tích cực của cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại trên lĩnh vực văn hóa.
- c. “...nhiều lao động đối diện với nguy cơ mất việc làm” là tác động tiêu cực của cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại trên lĩnh vực xã hội.
- d. Tất cả mọi thông tin được chia sẻ thông qua các ứng dụng trên internet đều có độ tin cậy cao và con người có thể dễ dàng tiếp cận, chia sẻ.

a. S b. S c. Đ d. S

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Năm 1908, Công ty Pho ở Mỹ cho ra đời loại xe ô tô mẫu T và sau đó phổ biến ra nhiều nước Âu – Mỹ. Bên cạnh đó, sự ra đời của máy bay vào đầu thế kỉ XX cũng tạo nên một cuộc cách mạng trong lĩnh vực giao thông vận tải. Năm 1914, Hen – ri Pho sản xuất hàng loạt xe ô tô Pho mẫu T với động cơ đốt trong, đánh dấu sự ra đời dây chuyền sản xuất hàng loạt trên quy mô lớn.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ chân trời sáng tạo, tr.51)

- a. Những thành tựu trong việc cải tiến động cơ đốt trong đã tạo tiền đề cho sự ra đời và phát triển của ngành công nghiệp chế tạo ô tô, máy bay.
- b. Ô tô, máy bay là những thành tựu tiêu biểu trong lĩnh vực giao thông vận tải của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại.
- c. Sự ra đời của máy bay đầu thế kỉ XX đã mở ra khả năng phát triển một loại hình giao thông vận tải hoàn toàn mới lúc bấy giờ.
- d. Hen – ri Pho là người đầu tiên đã áp dụng máy móc để xây dựng dây chuyền lắp ráp sản xuất ô tô hàng loạt ở nước Mỹ.

a. Đ b. S c. Đ d. Đ

Câu 4 :

« Trước khi sáng tạo ra chữ viết riêng, các nước Đông Nam Á sử dụng chữ viết cổ của Ấn Độ (Chữ Phạn, chữ Pali) và Trung Quốc (chữ Hán). Dần dần, cư dân các nước Đông Nam Á đã sáng tạo ra một hệ thống chữ viết riêng để ghi ngôn ngữ bản địa của mình như : chữ Chăm cổ, chữ Khmer cổ, chữ Mã lai cổ, Chữ Miến Cổ, chữ Nôm (Việt Nam)... »

(SGK Kết nối tri thức Lịch Sử 10 - trang 55)

- a) Cư dân Đông Nam Á trước khi sáng tạo ra chữ viết thì sử dụng chữ cổ của Ấn Độ và Trung Quốc.
- b) Cư dân Đông Nam Á chủ yếu tiếp thu chữ Hán của Trung Quốc.
- c) Cư dân Đông Nam Á dần dần sáng tạo ra chữ viết riêng để ghi ngôn ngữ bản địa của mình.
- d) Việt Nam trên cơ sở của chữ Phạn (Ấn Độ) đã sáng tạo ra chữ Nôm.

a. Đ b. S c. Đ d. S

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trên nền tảng văn hóa bản địa, cư dân các quốc gia Đông Nam Á tiếp thu có chọn lọc những thành tựu từ bên ngoài, để sáng tạo nên một nền nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc đặc sắc, mang đậm bản sắc của riêng mình. Kiến trúc và điêu khắc Đông Nam Á đạt đến đỉnh cao rực rỡ với nhiều

công trình đặc sắc, tiêu biểu là: quần thể kiến trúc đền Bô – rô – bu – đua (In – đô – nê – xi – a), Ăng – co Vát và Ăng – co Thom (Cam – pu – chia), chùa Phật Ngọc (Thái Lan), chùa Vàng (Mi – an – ma), khu đền tháp Mĩ Sơn (Việt Nam)”

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, Bộ kết nối tri thức với cuộc sống,

tr.57)

- a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin thành tựu về kiến trúc, điêu khắc của các quốc gia Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại.
- b. Đền Bô – rô – bu – đua (In – đô – nê – xi – a), chùa Phật Ngọc (Thái Lan), chùa Vàng (Mi – an – ma) là những công trình kiến trúc Phật giáo tiêu biểu ở Đông Nam Á.
- c. Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc ở Đông Nam Á tiếp thu thành tựu từ bên ngoài nhưng vẫn có nét độc đáo riêng.
- d. Ăng – co Vát và Ăng – co Thom (Cam – pu – chia), khu đền tháp Mĩ Sơn (Việt Nam) đều là những công trình kiến trúc thuộc dòng kiến trúc cung đình.

a. Đ b. Đ c. Đ d. S

Câu 6: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“...sự ra đời của nước Văn Lang trên cơ sở nền văn hóa Đông Sơn rực rỡ - thời đại đồng thau phát triển đến đỉnh cao và bước sang thời đại sắt sớm tồn tại vào khoảng thế kỉ thứ VII đến thế kỉ thứ III TCN. Nước Văn Lang còn là biểu hiện của sự liên kết các cộng đồng bộ lạc giữa khu vực đồng bằng sông Hồng với các khu vực đồng bằng sông Mã, sông Cả vùng Thanh – Nghệ trên nền tảng một nền văn hóa chung đa sắc thái. Văn hóa Đông Sơn, nhà nước Văn Lang tuy còn sơ khai, chất phác nhưng cũng đánh dấu sự trưởng thành, phát triển vượt bậc của các cộng đồng dân cư bản địa, một bước chuyển “cách mạng” từ thời đại hoang sơ nguyên thủy sang thời đại văn minh hơn. Có thể coi nhà nước Văn Lang là nhà nước đầu tiên trong lịch sử của dân tộc Việt Nam.

(Vũ Duy Mên (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam, Tập 1 – Từ khởi thủy đến thế kỉ X*, NXB

Khoa học xã hội, 2017, tr.126)

- a. Nhà nước Văn Lang ra đời vào thế kỉ III TCN trên cơ sở liên kết các bộ lạc ở sông Hồng, sông Mã và sông Cả.
- b. Dưới thời kì Văn Lang, cư dân phổ biến sử dụng công cụ lao động bằng đồng thau và bước đầu sử dụng đồ sắt.
- c. Nhà nước Văn Lang tồn tại trong khoảng 4 thế kỉ, được coi là nhà nước cổ đại đầu tiên của lịch sử Việt Nam.
- d. Sự ra đời của nhà nước Văn Lang đánh dấu bước chuyển của lịch sử Việt Nam từ thời kì nguyên thủy sang thời kì cổ đại.

a. S b. Đ c. Đ d. Đ

..... HẾT